Ngày soạn: 28/07/2023

**BÀI 7: NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY (TRUYỆN THƠ NÔM VÀ NGUYỄN DU)**

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết: … BIỆN PHÁP TU TỪ ĐỐI: ĐẶC ĐIỂM VÀ TÁC DỤNG**

**(01 tiết)**

**I. MỤC TIÊU:** Sau khi học xong bài này, HS có thể:

**1. Về kiến thức:**

- Nhắc lại được định nghĩa của biện pháp tu từ đối (đã học ở Bài 1)

- Trình bày được đặc điểm của biện pháp tu từ đối

- Xác định được những trường hợp thường sử dụng biện pháp tu từ đối

- Nêu được tác dụng của biện pháp tu từ đối

- So sánh được biện pháp tu từ đối trong các trường hợp cụ thể

- Viết được đoạn văn có sử dụng biện pháp tu từ đối

**2. Về năng lực:**

- Năng lực đặc thù:

+ HS chỉ ra và nêu được tác dụng của biện pháp tu từ đối trong trường hợp cụ thể.

+ HS so sánh được các trường hợp sử dụng biện pháp tu từ đối

- Năng lực chung:

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

+ Năng lực tự chủ và tự học: biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và giáo viên; tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. Về phẩm chất**:

Có ý thức trong việc học tập, rèn luyện để phát triển bản thân, quan tâm và xác định các mục tiêu phấn đấu cho tương lai (qua việc thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết*)

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** SGK, máy chiếu, micro, bảng, phấn

**2. Học liệu:** không

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ: không**

**3. Bài mới:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (5 phút)**

1. **Mục tiêu**:

- Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho HS về nội dung bài học.

- Kích hoạt kiến thức nền về biện pháp tu từ đối

**b. Nội dung:** GV mời HS trả lời 1 câu hỏi dạng điền khuyết và 1 câu hỏi dạng trắc nghiệm.

**c. Sản phẩm:** Phần trả lời câu hỏi của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV mời HS trả lời 2 câu hỏi để kích hoạt kiến thức nền về biện pháp tu từ đối.  Câu 1: Điền từ ngữ thích hợp vào các ô trống trong đoạn văn sau đây để có một định nghĩa đúng về biện pháp tu từ đối:  Đối là biện pháp tu từ đặt những………….có âm thanh và ý nghĩa…………vào vị trí cân xứng để tạo nên sự hài hoà về ý nghĩa, đồng thời làm nên…………..cho câu thơ, câu văn.  Câu 2: Lựa chọn nào sau đây **không phải** là tác dụng của biện pháp tu từ đối khi sử dụng trong văn thơ?   1. Tạo nên sự cân xứng về ý nghĩa và nhạc điệu. 2. Tạo nên cái đẹp hài hoà theo quan niệm truyền thống của người Việt Nam. 3. Tạo nên cái đẹp chắc, khoẻ và hiện đại. 4. Giúp miêu tả sự việc, cảnh vật một cách cô đúc, khái quát.   **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Cá nhân HS suy nghĩ tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  HS giơ tay giành quyền trả lời. Nếu trả lời sai, các HS khác tiếp tục giơ tay giành quyền trả lời.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV kết luận, nhận định về đáp án hai câu hỏi  - Từ đáp án hai câu hỏi, GV khơi gợi, giúp HS nhắc lại kiến thức về biện pháp tu từ đối đã học ở phần Tri thức Ngữ văn. | Câu 1:  Đối là biện pháp tu từ đặt những **từ ngữ** có âm thanh và ý nghĩa **tương phản** hoặc **tương hỗ** vào vị trí cân xứng để tạo nên sự hài hoà về ý nghĩa, đồng thời làm nên **nhạc điệu** cho câu thơ, câu văn.  Câu 2:  Đáp án: **c** |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được những trường hợp thường sử dụng biện pháp tu từ đối.

- HS nêu được tác dụng của biện pháp tu từ đối.

- HS so sánh được biện pháp tu từ đối trong các trường hợp cụ thể.

**b. Nội dung:**

HS thảo luận nhóm đôi và hoàn thiện bài tập 1,2,3 trong SGK

**c. Sản phẩm:** Nội dung trả lời các bài tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS theo hình thức nhóm đôi (think – pair – share) và làm các bài tập ở phần Thực hành tiếng Việt (SGK, tr.45)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thực hiện các bài tập ở phần Thực hành tiếng Việt, trao đổi với bạn cùng nhóm đôi.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận để cùng giải quyết một vấn đề (bài tập) mà GV yêu cầu/ đặt ra  - GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các bài tập. | Đáp án bài tập 1,2,3 tham khảo phần phụ lục |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (10 phút)**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết*.

**b. Nội dung:** HS viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) chia sẻ cảm nhận về vẻ đẹp của tiếng Việt trong thơ Nguyễn Du, trong đó chú ý đến những câu thơ có sử dụng biện pháp đối.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn khoảng 200 chữ của HS chia sẻ cảm nhận về vẻ đẹp của tiếng Việt trong thơ Nguyễn Du.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập Từ đọc đến viết vào vở trong 10 phút theo nhóm nhỏ (khoảng 4 đến 6 HS)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc kỹ lại yêu cầu đề và thực hiện theo nhóm nhỏ (4 – 6 HS)  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện 2 nhóm trình bày đoạn văn (khuyến khích HS trình bày trước lớp để rèn sự tự tin trước đám đông)  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét và góp ý đoạn văn của 2 nhóm, dặn dò các nhóm còn lại về nhà chỉnh sửa, bổ sung để hoàn chỉnh đoạn văn. | Các bước để thực hiện bài tập:   * Đọc đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề bài. * Tìm ý, sắp xếp ý cho đoạn văn. * Xác định kiểu đoạn văn sẽ tạo lập (diễn dịch, quy nạp hay tổng – phân – hợp). * Viết nhanh đoạn văn và đọc lại để chỉnh sửa từ ngữ, câu văn. |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG (5 phút)**

**a**. **Mục tiêu**: Khái quát kiến thức về biện pháp tu từ đối

**b. Nội dung:** HS thiết kế sơ đồ tư duy tóm tắt kiến thức về biện pháp đối

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy do HS thực hiện

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm việc theo cá nhân, thiết kế một sơ đồ tư duy tóm tắt kiến thức về biện pháp tu từ đối  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc xem lại phần Tri thức Ngữ văn và Thực hành tiếng Việt đã thực hiện và phác thảo ý tưởng sơ đồ tư duy.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS chia sẻ ý tưởng với các bạn trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). Trên cơ sở đó, HS tiếp tục hoàn thiện sản phẩm sơ đồ tư duy ở nhà.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV kết luận, nhận định, khái quát về kiến thức tiếng Việt HS cần nắm. | Các bước để thực hiện bài tập:   * Đọc đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề bài. * Tìm ý, sắp xếp ý cho đoạn văn. * Xác định kiểu đoạn văn sẽ tạo lập (diễn dịch, quy nạp hay tổng – phân – hợp). * Viết nhanh đoạn văn và đọc lại để chỉnh sửa từ ngữ, câu văn. |

**4. Củng cố:** Dựa vào đoạn Thuý Kiều hầu rượu Hoạn Thư – Thúc Sinh, hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đối có trong đoạn trích này.

**5. HDVN:** Đọc và chuẩn bị trước bài Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm nghệ thuật hoặc tác phẩm văn học.

**PHỤ LỤC**

**ĐÁP ÁN THAM KHẢO BÀI TẬP 1, 2, 3 (SGK TRANG 45)**

**Bài tập 1**: GV yêu cầu HS chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đối trong từng trường hợp đã cho.

a.

*Nỗi riêng riêng những bàn hoàn*

*Dầu trong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn.*

( Nguyễn Du, Truyện Kiều)

* Biện pháp đối được sử dụng ở dòng thơ tám chữ: các từ trong hai vế “dầu trong trắng đĩa” và “ lệ tràn thấm khăn” tạo thành từng cặp tương ứng, cân xứng với nhau về nội dung, tương đồng về thể loại ( *dầu – lệ, trong – tràn, trắng – thấm, đĩa – khăn*), trái nhau về thanh điệu trắc, bằng ( ví dụ: *đĩa* : trắc; *khăn* : bằng ).
* Biện pháp này có tác dụng tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ, đồng thời giúp miêu tả tâm trạng thao thức, dằn vặt của nhân vật Thúy Kiều một cách cô đúc, nổi bật và gợi cảm.

b.

*Cùng trong một tiếng tơ đồng,*

*Người ngoài cười nụ người trong khóc thầm.*

( Nguyễn Du, Truyện Kiều)

* Biện pháp đối được sử dụng ở dòng thơ tám chữ: các từ trong hai vế “người ngoài cười nụ “ và người trong khóc thầm” tạo thành từng cặp tương ứng, cân xứng với nhau về nội dung, giống nhau về thể loại (*người ngoài – người trong, cười nụ - khóc thầm* ) trái nhau về thanh điệu trắc, bằng (*cười nụ*: bằng – trắc; *khóc thầm*: trắc – bằng ).
* Biện pháp này có tác dụng vừa tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ vừa thể hiện một cách cô đọng, hàm súc sự trái ngược, tương phản giữa trạng thái bề ngoài và tâm trạng bên trong của Thúc Sinh cũng như của Thúy Kiều.

c.

*Nhẹ như bấc nặng như chì,*

*Gỡ cho ra nữa còn gì là duyên?*

( Nguyễn Du, Truyện Kiều)

* Biện pháp đối được sử dụng ở dòng thơ sáu chữ: các từ trong hai vế “nhẹ như bấc” và “ nặng như chì” tạo thành từng cặp tương ứng, cân xứng với nhau về nội dung, giống nhau về từ loại ( *nhẹ - nặng, bấc – chì* ) trái nhau về thanh điệu trắc, bằng (*bấc: trắc, chì: bằng*).
* Biện pháp này có tác dụng vừa tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ vừa thể hiện một cách cô đọng, hàm súc sự tương phản giữa hai hình ảnh ví von, hai trạng thái bối rối và sự ràng buộc mà người trong cuộc khó lòng thoát khỏi được.

**Bài tập 2:** GV hướng dẫn cho HS liệt kê những dòng thơ có sử dụng biện pháp đối trong VB *Trao duyên* và nêu tác dụng của biện pháp này. Ngoài tác dụng tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ, biện pháp tu từ đối trong các dòng thơ còn có tác dụng riêng tùy theo mỗi trường hợp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dòng** | **Dòng thơ sử dụng phép đối** | **Tác dụng** |
| 712 | *Dầu trong trắng đĩa, lệ tràng thắm khăn* | Tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ, đồng thời giúp miêu tả tâm trạng thao thức, dằn vặt của nhân vật Thúy Kiều một cách cô đúc, nổi bật và gợi cảm. |
| 728 | *Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề* | Tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ, đồng thời giúp gợi nhắc một cách khái quát các sự việc gắn với kỉ niệm khó quên. |
| 730 | *Xót tình máu mủ thay lời nước non* | Tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ, đồng thời nhấn mạnh sự hơp lẽ của việc Thúy Vân thay Thúy Kiều lấy Kim Trọng. |
| 733 | *Chị dù thịt nát xương mòn* | Tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ, đồng thời nhấn mạnh sự tin cậy vả đề cao ân nghĩa mà em (Thúy Vân) dành cho chị (Thúy Kiều) . |
| 742 | *Đốt lò hương ấy, so tơ phím này* | Tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ, đồng thời nhấn mạnh ý nghĩa hòa hợp của các kỉ vật thiêng liêng của tình yêu Kim – Kiều. |
| 746 | *Nát thân bồ liễu, đền gì trúc mai* | Tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ, đồng thời thể hiện sự sẵn sàng hi sinh để đền đáp ân tình |
| 749 | *Bây giờ trâm gãy gương tan* | Tạo nên vẻ đẹp hài hòa cho câu thơ, đồng thời thể hiện sự đau sót bởi cảnh tan lìa của đôi lứa trong tình yêu. |

**Bài tập 3:** Cả ba trường hợp đều dụng biện pháp tu từ đối (đặt những từ ngữ có âm thanh và ý nghĩa tương phản hoặc tương hỗ vào vị trí cân xứng để tạo nên sự hài hòa về ý nghĩa, đồng thời làm nên nhạc điệu cho câu thơ), nhưng nếu ở trường hơp c, biện pháp sử dụng tu từ đối được sử dụng trong hai dòng thơ thất ngôn (*Son phấn có thần chôn vẫn hận/ văn chương không mệnh đốt còn vương*) thì ở trường hơp a và b, biện pháp đối được sử dụng trong nội bộ một dòng thơ.

* Trường hợp a: Biện pháp đối xuất hiện trong dòng thơ tám chữ *(Vớt hương dưới đất bẻ hoa cuối mùa).*
* Trường hơp b: Biện pháp đối xuất hiện trong dòng thơ sáu chữ (*Tình duyên ấy hơp tan này*). GV có thể hướng dẫn HS phân tích chi tiết hơn về biện pháp đối trong mỗi trường hợp: các cặp từ đối nhau, tác dụng của phép đối,….